

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa,  
thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu  
(các lĩnh vực: Chứng thực; Hộ tịch)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Trên cơ sở kết quả rà soát quy định, thủ tục hành chính đang còn hiệu lực, đã được công bố tại các quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; kết quả rà soát dữ liệu thủ tục hành chính được Bộ Tư pháp chuẩn hóa, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 194 /TTr-STP ngày 31 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (các lĩnh vực: Chứng thực; Hộ tịch);



Cụ thể: Danh mục gồm 08 (*tám*) thủ tục hành chính (TTHC):

- Lĩnh vực Chứng thực 07 TTHC;
- Lĩnh vực Hộ tịch: 01 TTHC.

(*Phụ lục đính kèm*)

**Điều 2. Giao trách nhiệm Sở Tư pháp:**

Triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định này, đúng theo quy định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (trong kỳ báo cáo tình hình kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, ban hành mới và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*các lĩnh vực tư pháp*) (gồm 07 TTHC lĩnh vực chứng thực; 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

2. Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, ban hành mới và bị bãi bỏ, thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (gồm 04 TTHC lĩnh vực chứng thực; 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

3. Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, ban hành mới và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*các lĩnh vực tư pháp*); (gồm 06 TTHC lĩnh vực chứng thực; 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

4. Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực: Luật sư; Hòa giải thương mại; Trọng tài thương mại; Hộ tịch; Quản tài viên được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (gồm 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

5. Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (gồm 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

6. Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (gồm 01 TTHC lĩnh vực Hộ tịch).

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trưởng, Phó và ChV. các phòng:  
NC; KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTT- 09(TT-KSTT)

**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Xuân Thu Vân**



**Phu lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC CHUẨN HÓA**  
**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẠC LIÊU**

(các lĩnh vực: Chứng thực; Hộ tịch)

(Ban hành kèm theo Quyết định 89 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**A. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC: Gồm 07 thủ tục hành chính**

**I. Danh mục 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Công chứng Số 1, Sở Tư pháp/ Phòng Tư pháp cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã/ các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu<sup>1</sup>**

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	2.000815.000.00.00.H04	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a></i> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó	(1) Phòng Công chứng Số 1 (Số 6, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) (2) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (3) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã; (4) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	<u>Phí:</u> (1) Tại Phòng Công chứng Số 1; tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính ( <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC</i> )  (2) Tại Trung tâm hành chính công cấp huyện: Phòng Tư pháp thu 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 26/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ	

<sup>1</sup> Gồm 02 TTHC được tiếp nhận tại 03 cấp: cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã.



				kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực		<p>thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính (Thông tư số 226/2016/TT-BTC).</p> <p>(3) Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã: UBND cấp xã thu 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính (Thông tư số 226/2016/TT-BTC).</p>	<p>thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>	
02	2.000884.000.00.00.H04	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	<p>(1) Trực tiếp;</p> <p>(2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a></p>	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	<p>1) Phòng Công chứng Số 1 (Số 6, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p> <p>(2) Trung tâm Hành chính công cấp huyện;</p>	<p><u>Phí:</u></p> <p>(1) Tại Phòng Công chứng Số 1; tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản</p>	(Như trên)	

					<p>(3) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã;</p> <p>(4) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu</p>	<p>(Thông tư số 257/2016/TT-BTC)</p> <p>(2) Tại Trung tâm hành chính công cấp huyện: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản</p> <p>(Thông tư số 226/2016/TT-BTC)</p> <p>(3) Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã: UBND cấp xã thu 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản</p> <p>(Thông tư số 226/2016/TT-BTC)</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

## II. Danh mục 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan quản lý sổ gốc<sup>2</sup>

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
03	2.000908.000.00.00.H04	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	(1) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu); (2) Trung tâm Hành chính công cấp huyện. (3) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã.	Không quy định	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 26/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	

<sup>2</sup> Gồm 01 TTHC được tiếp nhận tại 03 cấp: cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã.



**III. Danh mục 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Công chứng Số 1, Sở Tư pháp/ Phòng Tư pháp cấp huyện/ các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu<sup>3</sup>**

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
04	2.000843.000.00.00.H04	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn">http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	<u>Cu thể:</u> Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được	(1) Phòng Công chứng Số 1 (Số 6, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) (2) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (3) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	<u>Phí:</u> (1) Tại Phòng Công chứng Số 1; tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/ trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/ trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính ( <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC</i> )  (2) Tại Trung tâm hành chính công cấp huyện:	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 26/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực;	

<sup>3</sup> Gồm 01 TTHC được tiếp nhận tại 02 cấp: cấp tỉnh/cấp huyện



				<p>kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực</p>		<p>Phòng Tư pháp thu 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính (Thông tư số 226/2016/TT-BTC).</p>	<p>phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>	
--	--	--	--	--	--	--	---	--

**IV. Danh mục 03 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tư pháp cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã<sup>4</sup>**

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
05	2.000913.000.00.00.H04	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	(1) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (2) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã.	<i>Phí:</i> 30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch ( <i>Thông tư số 226/2016/TT-BTC</i> )	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 26/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTP ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng thực	

<sup>4</sup> Gồm 03 TTHC được tiếp nhận tại 02 cấp: cấp huyện/cấp xã.



06	2.000927. 000.00.00. H04	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	(1) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (2) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã.	<i>Phí:</i> 25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch ( <i>Thông tư số 226/2016/TT-BTC</i> )	(Nhu trên)	
07	2.000942. 000.00.00. H04	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	(1) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (2) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã.	<i>Phí:</i> 2.000 đồng/ trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính ( <i>Thông tư số 226/2016/TT-BTC</i> )	(Nhu trên)	

**B. LĨNH VỰC HỘ TỊCH:** Gồm 01 thủ tục hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã<sup>5</sup>

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
08	2.000635.000.00.00.H04	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	(1) Trực tiếp; (2) Trực tuyến: <i>Mức độ 3 tại địa chỉ:</i> <a href="http://dichvucong.baclieu.gov.vn">http://dichvucong.baclieu.gov.vn</a> (3) Qua dịch vụ bưu chính.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngày thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	(1) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu); (2) Trung tâm Hành chính công cấp huyện; (3) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã.	<u>Phí:</u> Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. (Thông tư số 281/2016/TT-BTC)	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ Quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký trực tuyến. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	

<sup>5</sup> Gồm 01 TTHC được tiếp nhận tại 03 cấp: cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã.



							lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	
--	--	--	--	--	--	--	---	--

*Tổng số: 08 thủ tục hành chính.<sup>6/</sup>*

<sup>6</sup> Thực hiện CCMC, MCLT: tại cấp tỉnh: 02; tại cấp huyện 08, tại cấp xã: 08; Cung cấp DVC TT mức 3: 08; Có quy định nghĩa vụ tài chính: 07